

Số: 581 /QĐ-KHXH

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chiến lược chuyển đổi số của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội  
Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030**

**CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 32/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược chuyển đổi số của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Đảng ủy Viện Hàn lâm (đề b/c);
- Các PCT Viện Hàn lâm (đề chỉ đạo thực hiện);
- Ban chỉ đạo phát triển KH, CN, ĐMST và CDS Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, VP.



**CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ  
CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 381/QĐ-KHXH ngày 17/3/2026 của  
Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)*

**MỤC LỤC**

I. Căn cứ pháp lý .....	1
II. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu.....	2
III. Kết quả công tác chuyển đổi số giai đoạn 2020 - 2025.....	4
IV. Nhiệm vụ trọng tâm.....	6
V. Giải pháp.....	9
VI. Kinh phí thực hiện.....	11
VII. Tổ chức thực hiện.....	12
Phụ lục 1. Danh sách nhiệm vụ chuyển đổi số của Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn 2026-2030 .....	14
Phụ lục 2. Phân công đơn vị chủ trì theo dõi, đo lường các chỉ tiêu chuyển đổi số.....	17

CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC  
XÃ HỘI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

### 1. Văn bản của Đảng

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

### 2. Nghị quyết của Chính phủ

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

### 3. Quyết định về chương trình và chiến lược chuyển đổi số

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

#### **4. Quyết định về các đề án chuyển đổi số**

Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chuyển đổi số.

Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

#### **5. Các văn bản pháp luật liên quan**

Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015.

Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12/6/2018.

Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và Luật số 20/2023/QH15 ngày 19/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao dịch điện tử.

Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm chỉ đạo**

- Quán triệt đầy đủ và cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để hoàn thiện thể chế; phát huy tối đa các nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (sau đây viết tắt là Viện Hàn lâm) giai đoạn 2026 - 2030.

- Phải phù hợp với định hướng, mục tiêu của các chiến lược, chương trình chuyển đổi số Quốc gia; phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam và Khung Kiến trúc số của Viện Hàn lâm; và sát với điều kiện thực tế của Viện Hàn lâm.

- Chuyển đổi số là động lực quan trọng cho tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực khoa học xã hội và khẳng định vị trí, vai trò của khoa học xã hội nhân văn trong phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế.

- Chuyển đổi số Viện Hàn lâm bắt đầu từ sự thay đổi nhận thức và hành động của lãnh đạo các cấp, nhất là người đứng đầu; là nội dung quan trọng cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện tổng thể, có lộ trình phù hợp, toàn diện, đồng bộ; là tiêu chí đánh giá, xếp loại hàng tháng, quý, năm đối với các tập thể, cá nhân.

- Xác định hạ tầng số đi trước một bước, dữ liệu là tài nguyên chiến lược, an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số Viện Hàn lâm đi nhanh và bền vững.

- Chuyển đổi số phải gắn kết với công tác cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả làm việc; đồng thời nâng cao vai trò của dữ liệu, kết nối liên thông với các hệ thống quốc gia, giảm chi phí quản lý, tạo tiền đề để mở rộng quan hệ quốc tế.

## **2. Mục tiêu tổng quát**

- Hoàn thành số hoá toàn diện theo từng lĩnh vực quản lý của Viện Hàn lâm, hình thành hệ sinh thái dữ liệu lớn tập trung, chuẩn hóa; khai thác hiệu quả dữ liệu theo thời gian thực phục vụ công tác báo cáo thống kê, dự báo, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển; công tác quản lý, chỉ đạo điều hành dựa trên nền tảng công nghệ số, dữ liệu số được kết nối, liên thông đến các đơn vị trực thuộc.

- Hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành nội bộ, minh bạch hóa quy trình xử lý công việc; nâng cao hiệu quả làm việc của viên chức, người lao động thông qua ứng dụng công nghệ số.

- Đổi mới toàn diện phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội dựa trên công nghệ số, xây dựng nền tảng tri thức số phục vụ nghiên cứu khoa học xã hội, tư vấn chính sách và đào tạo, chia sẻ thông tin.

## **3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

### *a. Về thể chế, chính sách*

- Phần đầu 100% viên chức, người lao động tại Viện Hàn lâm được quán triệt, phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.

- Phần đầu 100% các văn bản quản lý nội bộ liên quan đến chuyển đổi số được ban hành, cập nhật kịp thời.

- Phần đầu 100% các chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng công nghệ số được triển khai thực hiện tại Viện Hàn lâm và các đơn vị trực thuộc.

### *b. Về hạ tầng số*

- Phần đầu 100% đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm có kết nối Internet băng thông rộng tối thiểu 100 Mbps.

- Phần đầu 100% dịch vụ, hệ thống thông tin của Viện Hàn lâm được triển khai trên nền tảng số.

- Hạ tầng, ứng dụng dữ liệu của Viện Hàn lâm có khả năng dự phòng cao.

### *c. Về dữ liệu số*

- Phần đầu 100% các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được số hóa, chuẩn hóa và kết nối liên thông.

- Phần đầu 100% sản phẩm nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, đào tạo được lưu trữ trong kho dữ liệu số.

- Phần đầu 80% dữ liệu, tài liệu quý hiếm, tài liệu nội sinh được số hóa.

- Phần đầu 100% dữ liệu số dùng chung được cập nhật, chia sẻ theo thời gian thực.

*d. Về ứng dụng, nền tảng số*

- Phần đầu 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên nền tảng số.

- Phần đầu 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường số theo quy định.

- Phần đầu 90% quy trình quản lý, điều hành nội bộ được số hóa và xử lý tự động.

- Phần đầu 100% viên chức, người lao động sử dụng thư điện tử công vụ, chữ ký số trong công việc.

*đ. Về an toàn thông tin, an ninh mạng*

- Phần đầu 100% các hệ thống thuộc phạm vi quản lý của Viện Hàn lâm được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tổ chức diễn tập phòng chống tấn công mạng và ứng cứu sự cố ít nhất 01 lần/năm.

*e. Về nhân lực số*

- Phần đầu 100% nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm.

- Phần đầu 100% nhân sự làm công tác an toàn thông tin được đào tạo, bồi dưỡng định kỳ.

- Phần đầu 100% viên chức và người lao động được tham gia đào tạo/tập huấn về chuyển đổi số.

- Phần đầu 100% cán bộ quản lý các cấp có kiến thức, kỹ năng lãnh đạo chuyển đổi số.

- Phần đầu 100% nghiên cứu viên được đào tạo phương pháp nghiên cứu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

### **III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

#### **1. Đánh giá chung**

Giai đoạn 2020-2025, công tác chuyển đổi số tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm) đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trên các mặt công tác. Về thể chế, Viện Hàn lâm đã chủ động ban hành hệ thống văn bản đầy đủ, đồng bộ với hơn 30 quyết định và quy chế quan trọng. Từ việc thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cuối năm 2021, đến năm 2025 đã hình

thành bộ máy tổ chức hoàn chỉnh với Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 cùng các quy chế về quản lý Công thông tin điện tử, bảo đảm an toàn thông tin - an ninh mạng và Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số...

Về hạ tầng số và ứng dụng, Viện Hàn lâm đã bước đầu thực hiện chuyển đổi từ hạ tầng truyền thống sang môi trường số. Hoàn thành cơ bản chuyển đổi IPv6 cho toàn bộ hệ thống mạng và phòng máy chủ, triển khai nền tảng điện toán đám mây cho các hệ thống quan trọng và chuẩn bị đưa hệ thống máy chủ lên Trung tâm dữ liệu Quốc gia. Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành tác nghiệp đã xử lý gần 300.000 lượt văn bản tích lũy, kết nối thành công với Hệ thống liên thông văn bản Chính phủ và trở thành một trong 10 đơn vị đầu tiên của cả nước trong lĩnh vực này. Năm 2023 hoàn thành xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu LGSP kết nối với nền tảng quốc gia NDXP. Công thông tin điện tử và hệ thống thư điện tử công vụ được nâng cấp toàn diện. Các phần mềm quản lý chuyên ngành như Theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ, CSDL Đảng viên 3.0 và Quản lý thông tin công chức viên chức đã được triển khai đồng bộ với 100% hồ sơ được cập nhật vào hệ thống quốc gia.

Công tác số hóa dữ liệu đạt kết quả với tổng cộng hơn 2,4 triệu trang tài liệu được số hóa trong giai đoạn 2023-2025, cùng với việc tích hợp hơn 1,2 triệu biểu ghi và tài nguyên số trên nền tảng thư viện điện tử Sierra và thư viện số ContentDM. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về từ điển bách khoa, Hán-Nôm đã được xây dựng và đang triển khai khung cơ sở dữ liệu tổng thể toàn Viện Hàn lâm. Về an toàn thông tin, đã triển khai hệ thống phòng chống mã độc kết nối Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, xây dựng Hồ sơ cấp độ an toàn thông tin và chuẩn bị thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

## **2. Hạn chế, khó khăn và bài học kinh nghiệm**

### *a. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu*

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Về thể chế, một số văn bản quy phạm pháp luật còn chậm được hoàn thiện và ban hành, chưa có cơ chế chính sách cụ thể về nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số. Về hạ tầng và ứng dụng, xuất phát điểm thấp với nhiều thiết bị cũ lạc hậu, hạ tầng CNTT chưa đáp ứng mô hình an toàn 4 lớp tiêu chuẩn, chưa có Trung tâm dữ liệu Tier III, các phần mềm hỗ trợ công tác điều hành và nghiên cứu khoa học còn thiếu hoặc hoạt động chưa hiệu quả. Về dữ liệu, tình trạng phân mảnh, chưa có quy chuẩn chung cho quản lý, phần lớn dữ liệu quý hiếm chưa được số hóa và dữ liệu sau khi số hóa không được kết nối khai thác tối ưu.

Về nguồn lực, đây là hạn chế lớn nhất với nguồn nhân lực chuyên môn CNTT rất hạn chế, các đơn vị trực thuộc không có nhân sự chuyên trách mà chỉ kiêm nhiệm với trình độ cơ bản. Nguồn lực tài chính còn hạn chế, việc phê duyệt kinh phí chậm, cơ chế tài chính chưa linh hoạt dẫn đến phải hủy dự toán cuối năm, thủ tục mua sắm phức tạp mất nhiều thời gian. Về nhận thức, một số đơn vị vẫn chưa coi chuyển đổi số là trách nhiệm của mình, chưa tham gia tích cực vào công tác chuyển đổi số.

#### *b. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm*

Nguyên nhân chủ quan xuất phát từ xuất phát điểm thấp, nguồn lực hạn chế và nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của chuyển đổi số. Nguyên nhân khách quan do hệ thống văn bản hướng dẫn chi tiết chưa đầy đủ, khả năng cân đối nguồn lực tài chính còn hạn chế và các thủ tục mua sắm phức tạp.

Từ thực tiễn triển khai, Viện Hàn lâm rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng: chuyển đổi số cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với sự quan tâm, hỗ trợ, đầu tư thích đáng từ lãnh đạo Viện Hàn lâm và các cơ quan quản lý nhà nước; cần tích cực nghiên cứu, áp dụng các ứng dụng và thành tựu CNTT vào hoạt động nghiên cứu và quản lý; cần có cơ chế chính sách ưu đãi, đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ chuyên trách CNTT để tạo niềm tin và vững tâm thế; cần có sự đồng lòng, nhất trí cao từ lãnh đạo đến viên chức, người lao động; cần đưa nguồn kinh phí cho chuyển đổi số sang nguồn kinh phí thường xuyên để bảo đảm tính liên tục; các đơn vị chủ trì cần chủ động xây dựng đề án, dự toán đầy đủ, kịp thời; công tác chuyển đổi số cần bám sát nhiệm vụ của Viện Hàn lâm, phù hợp với thực tế nguồn lực và ưu tiên hoàn thiện hạ tầng, phát triển ứng dụng, số hóa tài liệu, bảo đảm an toàn thông tin.

## **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

### **1. Thể chế, chính sách số**

- Kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Viện Hàn lâm, Tổ công tác về chuyển đổi số và cải cách hành chính Viện Hàn lâm, Tổ chuyển đổi số tại các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm.

- Xây dựng, ban hành Chiến lược dữ liệu của Viện Hàn lâm, Kiến trúc số Viện Hàn lâm, Phương án bảo đảm an ninh mạng và ứng phó sự cố an ninh mạng của Viện Hàn lâm.

- Cập nhật các danh mục dữ liệu của Viện Hàn lâm (gồm dữ liệu nghiệp vụ, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở); Ban hành, triển khai các tiêu chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong Viện Hàn lâm; Xây dựng chính sách quản lý, khai thác, chia sẻ, liên thông cơ sở dữ liệu (CSDL) thư viện số Viện Hàn lâm.

- Rà soát, ban hành các chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chuyên đổi số.

- Ban hành kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của Viện Hàn lâm và các đơn vị trực thuộc.

## **2. Hạ tầng số**

- Thực hiện tái cấu trúc, tối ưu hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) hiện có; tập trung đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại theo hướng chuyển đổi sang sử dụng nền tảng số; đảm bảo sẵn sàng kết nối, tích hợp với nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ.

- Nâng cấp hạ tầng dữ liệu của Viện Hàn lâm đạt tiêu chuẩn, có khả năng dự phòng cao, ứng dụng công nghệ điện toán đám mây hiện đại, sẵn sàng tích hợp như một thành phần của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Phát triển hạ tầng mạng tốc độ cao, ổn định, băng thông rộng, độ trễ thấp đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ, đồng bộ và khai thác dữ liệu.

- Triển khai giải pháp lưu trữ và bảo quản dữ liệu dài hạn (LDP) đối với các dữ liệu có giá trị lịch sử, văn hóa đặc biệt, đảm bảo khả năng truy cập và sử dụng trong tương lai.

- Phát triển công nghệ ứng dụng Internet vạn vật (IoT) tại các thư viện trực thuộc, bảo tàng để phục vụ việc bảo tồn và số hóa hiện vật.

## **3. Dữ liệu số**

- Hình thành Cơ sở dữ liệu tổng thể của Viện Hàn lâm trên nền tảng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tích hợp nhiều nguồn dữ liệu khác nhau, đảm bảo tính đồng bộ, không trùng lặp, khả năng kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Triển khai lộ trình số hóa toàn diện dữ liệu và tài liệu, kết hợp thu thập dữ liệu từ các nguồn bên ngoài, hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học xã hội; ưu tiên số hóa theo tiêu chuẩn quốc tế các tư liệu quý hiếm, các tài liệu nội sinh.

- Xây dựng Hệ thống phân tích và khai phá dữ liệu lớn, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm phát hiện các xu hướng, mô hình và giá trị tiềm ẩn từ dữ liệu nghiên cứu khoa học xã hội.

- Triển khai cổng dữ liệu mở (ODP) của Viện Hàn lâm, cho phép công chúng và các bên liên quan tiếp cận, sử dụng dữ liệu nội sinh (không mật), góp phần thúc đẩy minh bạch trong hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội.

## **4. Nền tảng số, ứng dụng số**

- Phát triển Hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo, điều hành của Viện Hàn lâm; phục vụ công tác tham mưu, tổng hợp, giải quyết công việc cho Lãnh đạo Viện Hàn lâm trên môi trường số.

- Triển khai các ứng dụng số để xử lý tự động từng quy trình hành chính (văn phòng, tổ chức cán bộ, quản lý tài chính, quản lý các chương trình và đề tài khoa học, các hoạt động đối ngoại...), từ quá trình ra quyết định, đến việc báo cáo, giám sát... theo phân cấp quản lý và thẩm quyền, từ đó tạo cơ sở dữ liệu hành chính chung của Viện Hàn lâm.

- Phát triển Hệ thống quản lý tri thức (KMS) dựa trên cơ sở dữ liệu kết quả các chương trình, đề tài nghiên cứu, các báo cáo tư vấn chính sách, số liệu thu thập từ các kết quả điều tra, khảo sát của các chương trình, đề tài khoa học... trong toàn Viện Hàn lâm.

- Xây dựng, triển khai và đưa vào khai thác, sử dụng Nền tảng trợ lý ảo Viện Hàn lâm.

- Mở rộng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Viện Hàn lâm, kết nối toàn bộ các hệ thống dữ liệu số của Viện Hàn lâm, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

## **5. An toàn thông tin, an ninh mạng**

- Nâng cao nhận thức về đảm an toàn thông tin (ATTT) cho viên chức, người lao động; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về ATTT, số hóa, quản lý văn bản mật đã số hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đầu tư các giải pháp, dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đồng bộ, hiện đại.

- Rà soát, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Thực thi bảo đảm an ninh mạng trong thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng, nâng cấp, hủy bỏ hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng tối thiểu 01 lần/01 năm.

- Tổ chức định kỳ các cuộc diễn tập thực chiến về phòng chống tấn công mạng và ứng cứu sự cố an toàn thông tin cho đội ngũ chuyên trách chuyên đổi số của Viện Hàn lâm.

## **6. Nhân lực số**

- Triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số theo 3 cấp độ: lãnh đạo; viên chức, người lao động; nhân sự chuyên môn về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu chính sách thu hút chuyên gia chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa viên chức, người lao động với chuyên gia công nghệ.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, nghiên cứu công nghệ số, kỹ năng số.

## V. GIẢI PHÁP

### 1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Ban hành các chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Tổ công tác về chuyển đổi số và cải cách hành chính, trong đó xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên, lộ trình thực hiện và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị.

- Quán triệt, phổ biến, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo, viên chức, người lao động tại Viện Hàn lâm về chương trình, kế hoạch chuyển đổi số.

- Tổ chức họp định kỳ để theo dõi, đánh giá tiến độ triển khai; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả chuyển đổi số dựa trên các chỉ số KPI cụ thể; gắn kết quả chuyển đổi số với đánh giá, thi đua khen thưởng.

### 2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số và phương pháp nghiên cứu số

#### a) Truyền thông, nâng cao nhận thức

- Xây dựng chiến dịch truyền thông đa dạng, phong phú về chuyển đổi số thông qua các kênh: website, fanpage, bản tin nội bộ, hội thảo, tọa đàm; tạo sự lan tỏa và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, lợi ích của chuyển đổi số.

- Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm, tọa đàm chuyên đề về ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu khoa học xã hội; giới thiệu các công trình nghiên cứu tiêu biểu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn.

#### b) Đào tạo kỹ năng số theo 3 cấp độ

- Cấp lãnh đạo: Kỹ năng lãnh đạo chuyển đổi số, tư duy chiến lược, quản trị dữ liệu, an ninh mạng.

- Viên chức, người lao động: Kỹ năng số cơ bản, sử dụng công cụ số, làm việc trên môi trường số, văn hóa ứng xử số.

- Nhân sự chuyên môn chuyên đổi số: Công nghệ mới (AI, Big Data, Cloud Computing, Blockchain), quản trị hệ thống, an toàn thông tin.

#### c) Đào tạo phương pháp nghiên cứu số cho đội ngũ nghiên cứu viên

- Đào tạo phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong môi trường số.

- Đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học xã hội.

- Đào tạo thu thập và xử lý dữ liệu số.

- Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, workshop chuyên đề về phương pháp nghiên cứu số với sự tham gia của chuyên gia trong nước và quốc tế.

#### **d) Xây dựng tài liệu và môi trường học tập**

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn về kỹ năng số và phương pháp nghiên cứu số để viên chức, nghiên cứu viên có thể tự học, tự bồi dưỡng.

- Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kỹ năng số; cấp chứng chỉ cho những người đạt yêu cầu; khuyến khích viên chức, người lao động tham gia các khóa học trực tuyến trong nước và quốc tế.

### **3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyên đổi số**

- Bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ thông qua các chính sách đãi ngộ, tạo động lực như chế độ phụ cấp, ưu tiên trong tuyển dụng...

- Xây dựng lộ trình, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp rõ ràng cho đội ngũ nhân lực chuyên đổi số.

- Nghiên cứu cơ chế linh hoạt để thuê, mời chuyên gia tư vấn ngắn hạn, dài hạn về các lĩnh vực mới phục vụ nghiên cứu khoa học xã hội.

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng sinh viên, học viên cao học ngành CNTT, khoa học dữ liệu về làm việc tại Viện Hàn lâm thông qua học bổng, đề tài nghiên cứu, cơ hội phát triển.

### **4. Nghiên cứu, hợp tác để ứng dụng hiệu quả các công nghệ**

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ điện toán đám mây để tối ưu hóa chi phí đầu tư hạ tầng, tăng khả năng mở rộng, bảo đảm tính linh hoạt của hệ thống.

- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào phân tích dữ liệu nghiên cứu khoa học xã hội, hỗ trợ công tác tư vấn chính sách, dự báo xu hướng xã hội.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) để khai thác, phân tích khối lượng lớn dữ liệu phục vụ nghiên cứu; xây dựng các mô hình dự báo, cảnh báo sớm các vấn đề xã hội.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chuỗi khối (Blockchain) trong quản lý dữ liệu nghiên cứu, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, chống đạo văn.

### **5. Đảm bảo nguồn lực tài chính**

- Bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cho Viện Hàn lâm (bao gồm kinh phí sự nghiệp, kinh phí đầu tư phát triển) hàng năm để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Tích cực tìm kiếm các nguồn kinh phí hợp pháp khác: nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ; nguồn tài trợ, hợp tác quốc tế; nguồn xã hội hóa.

- Xây dựng quy định, quy trình quản lý, sử dụng kinh phí chuyển đổi số minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích, tránh lãng phí.

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho các dự án trọng điểm, nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin có tính lan tỏa cao, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Đảm bảo kinh phí thường xuyên đầy đủ, kịp thời cho các nhiệm vụ bảo trì, gia hạn, nâng cấp định kỳ các phần mềm, nền tảng số, ứng dụng chuyển đổi số trong điều hành, công thông tin, thư viện điện tử, thư viện số, nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị chuyên dụng... đảm bảo cho hệ thống hoạt động liên tục, ổn định.

- Xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra việc sử dụng kinh phí chuyển đổi số; định kỳ đánh giá hiệu quả đầu tư, rút kinh nghiệm.

## **6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế**

- Tăng cường hợp tác với các Bộ, ngành, địa phương để chia sẻ kinh nghiệm, tham khảo mô hình chuyển đổi số thành công; tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số.

- Hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu trong nước để triển khai các dự án chuyển đổi số, áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Tăng cường hợp tác quốc tế với các viện hàn lâm khoa học, các trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội ở các nước, các tổ chức khoa học quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, học tập mô hình chuyển đổi số; ký kết thỏa thuận trao đổi dữ liệu số, kết nối thư viện số, xuất bản và phát hành tạp chí số, ấn phẩm số, tổ chức triển lãm số.

- Tổ chức các chuyến tham quan, học tập trong và ngoài nước cho viên chức, người lao động liên quan để tiếp cận trực tiếp các mô hình chuyển đổi số thành công.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số bao gồm ngân sách nhà nước, kinh phí tự cân đối, nguồn vốn xã hội hóa, nguồn viện trợ quốc tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **2. Trách nhiệm lập dự toán**

Các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm căn cứ nhiệm vụ được giao, thực hiện lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật và chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định để triển khai hoạt động chuyển đổi số; Ưu tiên kinh phí cho các nhiệm vụ dùng chung, nền tảng số và ứng dụng số dùng chung toàn Viện Hàn lâm.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn phòng Viện Hàn lâm**

- Hàng năm chủ trì xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ thuộc chiến lược chuyển đổi số của Viện Hàn lâm, trình lãnh đạo Viện Hàn lâm phê duyệt.
- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo kế hoạch.
- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các đơn vị; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, báo cáo lãnh đạo Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.
- Tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, báo cáo lãnh đạo Viện Hàn lâm định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Lãnh đạo Viện Hàn lâm.
- rà soát định kỳ và tham mưu mua sắm máy móc và trang thiết bị, cập nhật phần mềm ứng dụng số để bảo đảm điều kiện thực hiện chuyển đổi số cho Viện Hàn lâm và các đơn vị.

### **2. Ban Tài chính và Quản lý khoa học**

- Hướng dẫn các đơn vị liên quan lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chiến lược và Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm theo quy định của pháp luật.
- Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí (vốn sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển, vốn chương trình mục tiêu và các nguồn vốn hợp pháp khác) để triển khai phát triển, duy trì, nâng cấp, mở rộng các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc Chiến lược và Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm.

### **3. Viện Thông tin Khoa học xã hội**

- Chủ trì xây dựng các dự án, nhiệm vụ tăng cường năng lực cho hạ tầng CNTT, lưu trữ, bảo quản, trang thiết bị phục vụ phát triển thư viện số Viện Hàn lâm, các nhiệm vụ số hóa, bảo trì và nâng cấp phần mềm quản trị thư viện điện tử, thư viện số, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị chuyên dụng trình Chủ tịch Viện Hàn lâm phê duyệt đảm bảo tiến độ xây dựng kế hoạch hàng năm.
- Là đầu mối đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động số hóa, xây dựng các cơ sở dữ liệu số, phát triển thư viện số, phát triển dịch vụ thư viện số dựa trên nền tảng công nghệ số.
- Chủ trì xây dựng Quy chế quản lý, khai thác, chia sẻ, liên thông cơ sở dữ liệu thư viện số Viện Hàn lâm.

### **4. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm**

- Thủ trưởng các đơn vị là người có trách nhiệm cao nhất trong triển khai công tác chuyển đổi số tại đơn vị.

- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Viện Hàn lâm xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai Chiến lược của lĩnh vực được giao phụ trách; thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và tìm kiếm các nguồn lực phù hợp để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chức năng nhiệm vụ và theo các nhiệm vụ thuộc Chiến lược này; định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Viện Hàn lâm (qua Văn phòng Viện Hàn lâm) để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Viện Hàn lâm.

#### **5. Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm**

- Tham mưu Đảng ủy Viện Hàn lâm triển khai thực hiện chuyển đổi số trong công tác Đảng theo quy định./.



**PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỀ SỐ CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**GIẢI ĐOẠN 2026-2030**

Sst	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Thể chế, chính sách số</b>				
1	Xây dựng, ban hành Chiến lược dữ liệu Viện Hàn lâm	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị liên quan	Chiến lược dữ liệu được ban hành	2026
2	Xây dựng, ban hành Khung Kiến trúc số Viện Hàn lâm	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị liên quan	Khung Kiến trúc số được ban hành	2026
3	Xây dựng, ban hành Phương án bảo đảm an ninh mạng và ứng phó sự cố an ninh mạng	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị chủ quản CNTT	Phương án được ban hành	2026
4	Rà soát, cập nhật danh mục dữ liệu của Viện Hàn lâm	Các đơn vị chuyên môn	Văn phòng Viện Hàn lâm	Danh mục dữ liệu được ban hành	Thường xuyên
5	Rà soát, ban hành chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chuyên đổi số	Ban Tổ chức - Cán bộ	Văn phòng Viện Hàn lâm	Chính sách được ban hành	2026
6	Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, khai thác, chia sẻ, liên thông cơ sở dữ liệu thư viện số Viện Hàn lâm	Viện Thông tin KHXH	Các đơn vị liên quan	Quy chế được ban hành	2026
<b>II</b>	<b>Hạ tầng số</b>				
1	Tài cấu trúc, nâng cấp hạ tầng số, chuyển đổi ứng dụng công nghệ mới	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Hạ tầng dữ liệu được nâng cấp	2026-2027
2	Phát triển hạ tầng mạng tốc độ cao	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị liên quan	Hạ tầng mạng được nâng cấp	2026-2030
3	Triển khai giải pháp lưu trữ và bảo quản dữ liệu dài hạn (LDP)	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Thông tin KHXH	Giải pháp LDP được triển khai	2028-2029
<b>III</b>	<b>Dữ liệu số</b>				
1	Hình thành Cơ sở dữ liệu số tổng thể Viện Hàn lâm	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị chủ quản CSDL	CSDL tổng thể được đưa vào khai thác	2026-2030
2	Số hóa toàn diện dữ liệu và tài liệu, hướng tới	Viện Thông tin	Các đơn vị thuộc,	Hoàn thành số hóa dữ	2026-2030

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
	xây dựng CSDL quốc gia KHXH	KHXH	trực thuộc	liệu, tài liệu ưu tiên	
3	Số hóa dữ liệu văn bản, tài liệu hành chính và phần mềm nghiệp vụ lưu trữ	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hoàn thành số hóa dữ liệu hành chính	2026-2030
4	Xây dựng Hệ thống phân tích và khai phá dữ liệu lớn ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Viện Thông tin KHXH	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hệ thống phân tích AI hoạt động	2027-2029
5	Triển khai Cổng dữ liệu mở (ODP) Viện Hàn lâm	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Thông tin KHXH	Cổng ODP đưa vào hoạt động, 70% dữ liệu mở	2027-2029
6	Tăng cường năng lực hoạt động thư viện, số hóa tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu số chuyên biệt của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam giai đoạn 2026-2030	Viện Thông tin KHXH	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hình thành CSDL số chuyên biệt các kho tài liệu quý hiếm, đặc thù	2026-2030
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu số nội sinh phục vụ quản lý khoa học, đào tạo và huấn luyện trí tuệ nhân tạo Viện Hàn lâm	Viện Thông tin KHXH	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hình thành CSDL số nội sinh	2026
<b>IV</b>	<b>Nền tảng số, ứng dụng số</b>				
1	Phát triển Hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo, điều hành	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hệ thống được đưa vào khai thác	2026-2027
2	Triển khai ứng dụng số xử lý tự động quy trình hành chính	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị chuyên môn	100% quy trình hành chính được số hóa	2026-2030
3	Phát triển Hệ thống quản lý tri thức (KMS)	Viện Thông tin KHXH	Các đơn vị nghiên cứu	Hệ thống KMS hoạt động, 100% sản phẩm nghiên cứu được lưu trữ	2027-2029
4	Mở rộng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, kết nối CSDL quốc gia	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị liên quan	Nền tảng được mở rộng, kết nối với CSDL quốc gia	2026-2030
5	Xây dựng bổ sung các phần mềm chuyên biệt quản lý tra cứu từ xa, quản lý các kho tư liệu quý hiếm	Viện Thông tin KHXH, Viện Nghiên cứu Hán - Nôm	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hệ thống vận hành ổn định, hiệu quả	2027-2028
6	Xây dựng hệ thống quản lý đào tạo Viện Hàn lâm	Học viện Khoa học xã hội	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hệ thống vận hành ổn định, hiệu quả	2026-2027

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
7	Số hoá hiện vật, ảnh, phim Dân tộc học và Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác bảo quản, trưng bày bảo tàng	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hệ thống vận hành ổn định, hiệu quả	2026-2030
8	Chuyển đổi số, xuất bản điện tử và phát huy giá trị các công trình nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã xuất bản tại Nhà xuất bản Khoa học xã hội	Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học xã hội	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hệ thống vận hành ổn định, hiệu quả	2026-2030
V	<b>An toàn thông tin, an ninh mạng</b>				
1	Đầu tư giải pháp bảo đảm an toàn thông tin	Các đơn vị chủ quản HTTT	Văn phòng Viện Hàn lâm	100% hệ thống được phê duyệt cấp độ ATTT	Thường xuyên
2	Rà soát, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án ATTT	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị chủ quản HTTT	Hồ sơ cấp độ được phê duyệt	Thường xuyên
3	Thực thi ATTT trong thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng, nâng cấp, hủy bỏ HTTT	Các đơn vị chủ quản HTTT	Văn phòng Viện Hàn lâm	ATTT được thực thi trong toàn bộ vòng đời HTTT	Thường xuyên
4	Kiểm tra, đánh giá tuân thủ an toàn thông tin mạng	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị chủ quản HTTT	HTTT được kiểm tra, đánh giá (tối thiểu 1 lần/năm)	Hàng năm
5	Tổ chức diễn tập thực chiến phòng chống tấn công mạng và ứng cứu sự cố	Văn phòng Viện Hàn lâm	Đội ngũ chuyên trách CDS	Diễn tập được tổ chức định kỳ	Hàng năm
VI	<b>Nhân lực số</b>				
1	Đào tạo kỹ năng số cơ bản cho viên chức, người lao động	Văn phòng Viện Hàn lâm	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	100% VC, NLED được đào tạo kỹ năng số cơ bản	Thường xuyên
2	Đào tạo phương pháp nghiên cứu số cho nghiên cứu viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	Văn phòng Viện Hàn lâm, các đơn vị nghiên cứu	80% nghiên cứu viên được đào tạo phương pháp nghiên cứu số	2026-2030
3	Đào tạo về công nghệ mới, quản trị hệ thống, an toàn thông tin cho nhân sự chuyên môn chuyển đổi số	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Tổ chức - Cán bộ	100% nhân sự chuyên môn CNTT được đào tạo	Thường xuyên

**PHỤ LỤC 2. PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO ĐỔI, ĐO LƯỜNG CÁC CHỈ TIÊU CHUYÊN ĐỔI SỐ**

Stt	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026-2027	Mục tiêu giai đoạn 2028-2030	Đơn vị chủ trì theo dõi, đo lường
1	100% các văn bản quản lý nội bộ liên quan đến chuyển đổi số được ban hành, cập nhật kịp thời	80% (Hoàn thành các văn bản quan trọng: Chiến lược dữ liệu, Khung kiến trúc số, Phương án ATTT)	100% (Hoàn thiện toàn bộ hệ thống văn bản)	Văn phòng Viện Hàn lâm
2	100% các chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng công nghệ số được xây dựng phương án, triển khai	50% (Xây dựng và ban hành các chính sách cơ bản)	100% (Hoàn thiện và triển khai toàn diện)	Ban Tài chính và Quản lý khoa học
3	100% đơn vị thuộc, trực thuộc có kết nối Internet băng thông rộng tối thiểu 100 Mbps	80% đơn vị đạt tối thiểu 100 Mbps	100% đơn vị đạt tối thiểu 100 Mbps	Văn phòng Viện Hàn lâm
4	100% dịch vụ, hệ thống thông tin được triển khai trên nền tảng số	70% hệ thống trên cloud (Ưu tiên các hệ thống mới và quan trọng)	100% hệ thống trên cloud (Hoàn thành chuyển đổi toàn bộ)	Văn phòng Viện Hàn lâm
5	Hạ tầng, ứng dữ liệu có khả năng dự phòng cao	Khả năng dự phòng cơ bản	Khả năng dự phòng cao	Văn phòng Viện Hàn lâm
6	100% các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được số hóa, chuẩn hóa và kết nối liên thông	50% CSDL được số hóa, chuẩn hóa	100% CSDL số hóa và kết nối liên thông	Văn phòng Viện Hàn lâm
7	100% sản phẩm nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, đào tạo được lưu trữ trong kho dữ liệu số	40% sản phẩm nghiên cứu được lưu trữ số	100% sản phẩm nghiên cứu được lưu trữ số	Viện Thông tin KHXH

8	80% dữ liệu, tài liệu quý hiếm, tài liệu nội sinh được số hóa	30% tài liệu quý hiếm được số hóa (Ưu tiên tài liệu có giá trị cao nhất)	80% tài liệu quý hiếm được số hóa	Viện Thông tin KHXH
9	100% dữ liệu số dùng chung được cập nhật, chia sẻ theo thời gian thực	60% dữ liệu dùng chung được cập nhật theo thời gian thực	100% dữ liệu dùng chung được cập nhật, chia sẻ theo thời gian thực	Văn phòng Viện Hàn lâm
10	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên nền tảng số	100% (Triển khai ngay từ đầu)	100% (Duy trì và hoàn thiện)	Văn phòng Viện Hàn lâm
11	100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi số theo quy định	70% hồ sơ công việc xử lý trên mạng	100% hồ sơ công việc xử lý trên mạng	Văn phòng Viện Hàn lâm
12	90% quy trình quản lý, điều hành nội bộ được số hóa và xử lý tự động	60% quy trình được số hóa và tự động hóa	90% quy trình được số hóa và tự động hóa	Văn phòng Viện Hàn lâm
13	100% viên chức, người lao động sử dụng thư điện tử công vụ, chữ ký số trong công việc	70% viên chức sử dụng thư điện tử công vụ và chữ ký số	100% viên chức sử dụng thư điện tử công vụ và chữ ký số	Văn phòng Viện Hàn lâm
14	100% các hệ thống được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo đảm ATTT theo cấp độ	100% hệ thống được phê duyệt cấp độ (Hoàn thành đánh giá và phê duyệt)	100% hệ thống duy trì và nâng cấp phương án ATTT	Văn phòng Viện Hàn lâm
15	Tổ chức diễn tập phòng chống tấn công mạng và ứng cứu sự cố ít nhất 01 lần/năm	01 lần/năm (Diễn tập cơ bản)	01-02 lần/năm (Nâng cao mức độ phức tạp)	Văn phòng Viện Hàn lâm
16	100% nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm	100% (Đào tạo định kỳ hàng năm)	100% (Duy trì và nâng cao trình độ)	Ban Tổ chức – Cán bộ

17	100% nhân sự làm công tác an toàn thông tin được đào tạo, bồi dưỡng định kỳ	100% (Thực hiện theo kế hoạch năm)	100% (Duy trì đào tạo định kỳ)	Ban Tổ chức – Cán bộ
18	100% viên chức và người lao động được tham gia đào tạo/tập huấn về chuyển đổi số	100% (Thực hiện theo kế hoạch năm)	100% (Duy trì đào tạo định kỳ)	Ban Tổ chức – Cán bộ
19	100% cán bộ quản lý các cấp có kiến thức, kỹ năng lãnh đạo chuyển đổi số	80% (Thực hiện theo kế hoạch năm)	100% (Nâng cao, cập nhật kiến thức)	Ban Tổ chức – Cán bộ
20	100% nghiên cứu viên được đào tạo phương pháp nghiên cứu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo	60% nghiên cứu viên được đào tạo về phương pháp nghiên cứu số và AI	100% nghiên cứu viên được đào tạo về phương pháp nghiên cứu số và AI	Ban Tổ chức – Cán bộ

*Handwritten signature*